

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 434/2020/DS-PT

Ngày: 01 - 12 - 2020

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Hoàng Khải.

Các Thẩm phán: Ông Võ Trung Hiếu.

Bà Nguyễn Thị Ánh Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Tuyền, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Ông Võ Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 425/2020/TLPT-DS ngày 03 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 235/2020/DS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 533/2020/QĐ-PT ngày 06 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Hồ Quốc S**, sinh năm 1974; Địa chỉ: Ấp Q, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của anh S: Anh **Võ Tuấn Vĩnh Th**, sinh năm 1973; Địa chỉ: Ấp B, xã T, Thành phố M, tỉnh Tiền Giang. (Theo văn bản ủy quyền Ủy ban nhân dân xã B chứng thực số 95 ngày 31/7/2019 (xin vắng mặt).

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Tuyết T**, sinh năm 1962. Địa chỉ: Ấp Q, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (có mặt)

- Người kháng cáo: Bị đơn Nguyễn Thị Tuyết T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn anh Hồ Quốc S có đại diện theo ủy quyền là anh Võ Tuấn Vĩnh Th trình bày:

Do quen biết nên anh S có cho bà T vay 2 khoản tiền, cụ thể là:

- Ngày 25/11/2018, anh S có cho bà T vay số tiền 90.000.000 đồng, không tính lãi, thời hạn trả là ngày 25/12/2018. Bà T có ký biên nhận nợ và có bà Nguyễn Thị Bích Th ký tên làm chứng.

- Ngày 20/12/2018 âm lịch anh S tiếp tục cho bà T vay số tiền 140.000.000 đồng, không tính lãi, thời hạn trả là ngày 20/01/2019 âm lịch. Bà T có ký biên nhận nợ và có con gái bà T là Trương Thị Huyền Tr ký tên làm chứng. Tuy nhiên, chị Tr không liên quan đến việc vay nợ.

Đến hạn trả anh S có yêu cầu nhiều lần nhưng bà T không trả. Nay anh S khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Tuyết T trả cho anh S số tiền vốn vay là 230.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của Ngân hàng nhà nước từ tháng 02/2019 cho đến khi xét xử theo mức lãi suất là 0,83%/tháng, yêu cầu thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

** Bị đơn là bà Nguyễn Thị Tuyết T có đại diện theo ủy quyền là ông Trần Anh D trình bày:*

Đối với lời trình bày của nguyên đơn thì bà T không đồng ý. Thừa nhận bà T có ký tên vào 02 biên nhận như nguyên đơn trình bày tuy nhiên nguồn gốc của phần tiền này là của lãi chồng vốn. Cụ thể:

- Thứ nhất, số tiền 90.000.000 đồng: Vào ngày 25/11/2018, bà T vay anh S 5.000.000 đồng, lãi 1.000.000 đồng/tháng. Sau đó qua 01 tháng bà Thủy không có tiền trả nên thành 6.000.000 đồng và anh S yêu cầu viết giấy nợ 10.000.000 đồng thay thế nợ 6.000.000 đồng. Tuy nhiên anh S cộng lại thành 15.000.000 đồng, sau đó phát sinh thêm 3.000.000 đồng tiền lãi thành 18.000.000 đồng. Tiếp tục sau đó bà T không có tiền trả và cộng dồn theo mức lãi như trên thành nhiều lần đến 03 tháng sau thì tổng kết nợ ông S gây áp lực và bắt buộc ký biên nhận nợ 90.000.000 đồng ghi ngày 25/11/2018 và có người làm chứng là bà Bích Th - hàng xóm của bà Tuyết T.

- Thứ hai, số tiền 140.000.000 đồng: Đây là số tiền không có thật, đây là số tiền mà ông S tính từ biên nhận ngày 25/11/2018, anh S cộng lên thành 140.000.000 đồng và gây áp lực bắt buộc bà T ký tên.

Đối với nhân chứng là Trương Thị Huyền Tr (là con ruột của bà Tuyết T). Trương Thị Huyền Tr không liên quan đến việc vay nợ.

Trước đây bà T có thừa nhận ký nợ số tiền 90.000.000 đồng, do đó số tiền này bà T đồng ý trả còn 140.000.000 đồng thì không đồng ý trả.

- Bản án sơ thẩm số: 235/2020/DS-ST ngày 24/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện huyện C, tỉnh Tiền Giang căn cứ khoản 2 Điều 357, Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Buộc bà Nguyễn Thị Tuyết T trả cho anh Hồ Quốc S 264.362.000 đồng, thực hiện sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành không trả khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

* Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

* Ngày 07/9/2020, bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết T kháng cáo bản án sơ thẩm số 235/2020/DSST ngày 24/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang, bà T chỉ đồng ý trả 90.000.000 đồng đối với biên nhận ngày 25/11/2018; còn số tiền 140.000.000 đồng theo biên nhận ngày 20/12/2018 âm lịch bà T không đồng ý trả.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Anh D là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Tuyết T trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, bà Tuyết T chỉ đồng ý trả 90.000.000 đồng cho anh S, số tiền 140.000.000 đồng không đồng ý trả vì không có nhận số tiền này. Anh Võ Tuấn Vĩnh Thụy là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Hồ Quốc S không đồng ý với kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký tòa án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm chuẩn bị nghị án đều được tiến hành đúng với trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ người tham gia tố tụng đúng với luật định. Về quan điểm giải quyết vụ án, Kiểm sát viên nhận định: Đại diện theo ủy quyền của bị đơn thừa nhận bà Tuyết T có ký tên vào các biên nhận nợ mà nguyên đơn khởi kiện nhưng cho rằng biên nhận ngày 20/12 âm lịch là không có thật nên không đồng ý trả nhưng không có chứng cứ chứng minh và không được nguyên đơn thừa nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được Hội đồng xét xử thẩm tra xem xét. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe lời trình bày và tranh luận của các đương sự, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên. Xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Nguyễn Thị Tuyết T thực hiện quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đúng trình tự thủ tục được quy định tại các Điều 271, 272, 273 và khoản 2 Điều 276 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được tiến hành xem xét

giải quyết theo thủ tục phúc thẩm. Nguyên đơn ủy quyền cho anh Võ Tuấn Vĩnh Th và bị đơn ủy quyền cho ông Trần Anh D làm người đại diện tham gia phiên tòa, việc ủy quyền đúng với Điều 85, Điều 86 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Th có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm nên căn cứ khoản 1 Điều 228 và khoản 2, 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt anh Th.

[2] Về quan hệ pháp luật: Tòa sơ thẩm xác định “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” là đúng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền và phạm vi giải quyết được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166, 280, 357, 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung tranh chấp và yêu cầu giải quyết:

Nguyên đơn anh Hồ Quốc S khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết T có trách nhiệm trả nguyên đơn 230.000.000 đồng tiền vay theo các biên nhận ngày 25/11/2018 và 20/12/2018 âm lịch và lãi phát sinh từ ngày 01/02/2019 đến khi xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 0,83%/tháng, yêu cầu thực hiện ngay khi án có hiệu lực.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết T thừa nhận ký vào các biên nhận nợ mà nguyên đơn cung cấp và yêu cầu nhưng các số tiền này là lãi chồng vốn, bà T đồng ý trả theo biên nhận ngày 25/11/2018 với số tiền 90.000.000 đồng, còn số tiền 140.000.000 đồng theo biên nhận ngày 20/12 âm lịch 140.000.000 đồng tính từ biên nhận ngày 25/11/2018, anh S cộng lên với lãi và gây áp lực bắt bà T ký tên nên không đồng ý trả.

Tòa sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Tuyết Thủy trả 230.000.000 đồng tiền vốn và 34.362.000 đồng tiền lãi, bà T không đồng ý nên kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

[4] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Tuyết T Hội đồng xét xử thấy rằng:

[4.1] Tại các biên nhận nợ do nguyên đơn cung cấp: biên nhận ngày 25/11/2018 số tiền 90.000.000 đồng (bút lục 07), biên nhận ngày 20/12 âm lịch số tiền 140.000.000 đồng (bút lục 08) biên nhận này không ghi năm nhưng các đương sự thừa nhận ngày 20/12/2018 âm lịch. Bà Tuyết Thủy thừa nhận có ký tên vào hai biên nhận này. Đối với biên nhận ngày 25/11/2018 tuy bà T khai là từ số tiền vay ban đầu là 5.000.000 đồng và lãi 1.000.000 đồng/tháng, do bà T không trả nên anh S yêu cầu bà T ghi biên nhận này lãi nhập vốn 90.000.000 đồng. Bà T đồng ý trả số tiền này cho anh S nên căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự không cần phải chứng minh nữa, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà T.

[4.2] Đối với biên nhận ngày 20/12 âm lịch, các đương sự thống nhất ký ngày 20/12/2018 âm lịch. Bà Tuyết T thừa nhận có ký tên nhưng cho rằng đây là số tiền mà anh S cộng lãi từ số tiền 90.000.000 đồng và ép buộc bà Tuyết T ký tên. Biên nhận có chị Trương Thị Huyền Tr con bà Tuyết T ký tên nhưng phía nguyên đơn, bị đơn và cả chị Tr đều thừa nhận là ký với tư cách người làm chứng và đều cho rằng không liên quan chị Tr nên không cần thiết đưa chị Tr

vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bút lục 19, 33, 40). Bà Tuyết T cho rằng đây là biên nhận nhập vốn lãi từ biên nhận 25/11 nhưng tại biên nhận thể hiện “*Tôi tên Nguyễn Thị Tuyết T có mượn của ông Hồ Quốc S Q C Tiền Giang số tiền là 140 triệu đồng (một trăm bốn mươi triệu đồng) hẹn đến 20.01 sẽ trả lại*”, không có nội dung lãi nhập vốn như phía bị đơn trình bày và giả sử biên nhận này là tiền lãi của 90.000.000 đồng vay ngày 25/11/2018 âm lịch như bà T trình bày thì càng vô lý, vì không thể sau 01 tháng tiền vốn 90.000.000 đồng mà lãi suất lên đến 140.000.000 đồng. Bị đơn và chị Tr (con bà T) cho rằng anh S ép buộc ký tên vào biên nhận này nhưng lại không có chứng cứ chứng minh và phía đại diện nguyên đơn không thừa nhận nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét.

Do bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên anh S khởi kiện yêu cầu trả số tiền 230.000.000 đồng của hai biên nhận trên và lãi phát sinh 0,83%/tháng tính từ tháng 02/2019 cho đến ngày xử sơ thẩm bằng 18 tháng với số tiền 34.362.000 đồng là phù hợp Điều 280, 357 và 466 Bộ luật dân sự.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Tuyết T.

[5] Về án phí: Tại phiên tòa phúc thẩm bà T nộp đơn xin miễn giảm án phí. Đơn của bà T có xác nhận của chính quyền địa phương, bà T đang trong tình trạng kinh tế khó khăn nên căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 giảm 50% án phí cho bà T từ 13.218.100 đồng xuống còn 6.609.050 đồng. Do đó, cần sửa một phần quyết định án sơ thẩm về án phí.

[6] Xét nội dung phân tích và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 270, Điều 293, khoản 2 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Tuyết T. Sửa một phần bản án sơ thẩm số 235/2020/DS-ST ngày 24/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang về án phí dân sự sơ thẩm.

Căn cứ vào Điều 147, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 280, 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29, điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Hồ Quốc S.

Buộc bà Nguyễn Thị Tuyết T trả cho anh Hồ Quốc S 264.362.000 đồng (trong đó vốn vay 230.000.000 đồng và lãi 34.362.000 đồng).

Kể từ ngày anh Hồ Quốc S có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị Tuyết T chậm thi hành thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị Tuyết T phải chịu 6.609.050 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 150.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

- Trả lại cho bà Tuyết T 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003155 ngày 07/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Trả lại cho anh S 6.418.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002648 ngày 05/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA;
- Công thông tin điện tử;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Hoàng Khải